

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tháng 7 năm 2026
của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định 02/QĐ-VKSTC ngày 10/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công trong ngành Kiểm sát nhân dân;

Xét đề nghị của Bộ phận Tài vụ - Văn phòng về việc công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng như sau:

- Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng (đính kèm biểu mẫu số 04c-CK/TSC).
- Hình thức công khai: niêm yết công khai tại bảng thông tin của đơn vị và trên trang thông tin điện tử của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông báo công khai.
- Căn cứ quyết định này nếu đơn vị, cá nhân có ý kiến thắc mắc xin gửi văn bản về Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng để được trả lời theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, công chức và người lao động, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như điều 3;

- Lưu: VT.



VIỆN TRƯỞNG

Trần Hoài Nam

Bộ, tỉnh: Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao
Cơ quan quản lý cấp trên: Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng
Mã đơn vị: 004020
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu số 04c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TÀI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
THÁNG 7 NĂM 2026

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng.

STT		Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền								Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Chi phí xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Ghi chú		
			Nguyên giá		Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Chuyển giao					Xử lý khác	
1	2	Nguồn ngân sách	Nguồn khác	3									4	5	6	7		8
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp	119.346.136.301		78.825.829.047														
1.1	Đất	59.479.069.000		59.479.069.000														
	Đất trụ sở làm việc VKSND huyện Hòa Vang (cũ)	926.860.000		926.860.000		x									đã thực hiện xong			
	Đất trụ sở làm việc VKSND thành phố Tam Kỳ (cũ)	3.740.000.000		3.740.000.000		x									đã thực hiện xong			
	Đất trụ sở làm việc VKSND huyện Núi Thành (cũ)	40.641.120.000		40.641.120.000		x									đã thực hiện xong			
	Đất trụ sở làm việc VKSND huyện Thăng Bình (cũ)	759.120.000		759.120.000		x									đã thực hiện xong			
	Đất trụ sở làm việc VKSND huyện Phú Ninh (cũ)	799.200.000		799.200.000		x									đã thực hiện xong			

	Đất trụ sở làm việc VKSND huyện Tiên Phước (cũ)	1.332.000.000		1.332.000.000	x							đã thực hiện xong		
	Đất trụ sở làm việc VKSND huyện Nam Trà My (cũ)	444.295.000		444.295.000	x							đã thực hiện xong		
	Đất trụ sở làm việc VKSND huyện Hiệp Đức (cũ)	600.000.000		600.000.000	x							đã thực hiện xong		
	Đất trụ sở làm việc VKSND huyện Phước Sơn (cũ)	282.564.000		282.564.000	x							đã thực hiện xong		
	Đất trụ sở làm việc VKSND huyện Duy Xuân (cũ)	9.133.110.000		9.133.110.000	x							đã thực hiện xong		
	Đất trụ sở làm việc VKSND huyện Tây Giang (cũ)	100.800.000		100.800.000	x							đã thực hiện xong		
	Đất trụ sở làm việc VKSND thị xã Điện Bàn (cũ)	720.000.000		720.000.000	x							đã thực hiện xong		
1.2	Nhà	54.004.116.038		16.086.334.042										
	Nhà làm việc 2 tầng + Cải tạo nhà làm việc năm 2012 VKSND huyện Hòa	6.300.608.569		17.090.494	x							đã thực hiện xong		
	Nhà làm việc 2 tầng VKSND thành phố Tam Kỳ (cũ)	1.705.334.000		-	x							đã thực hiện xong		
	Hội trường VKSND thành phố Tam Kỳ (cũ)	1.064.804.000		709.691.866	x							đã thực hiện xong		
	Nhà làm việc 3 tầng VKSND huyện Núi Thành (cũ)	10.389.333.571		9.558.186.885	x							đã thực hiện xong		
	Nhà bảo vệ và tiếp công dân VKSND huyện Núi Thành (cũ)	445.851.157		386.374.612	x							đã thực hiện xong		

Nhà đặt máy phát điện VKSND huyện Núi Thành (cũ)	219.097.794	189.870.148	x							đã thực hiện xong		
Nhà lưu trú công vụ 1 tầng VKSND huyện Núi Thành (cũ)	1.617.428.127	1.401.663.214	x							đã thực hiện xong		
Nhà để xe 2 bánh VKSND huyện Núi Thành (cũ)	782.150.775	677.811.861	x							đã thực hiện xong		
Nhà làm việc 2 tầng VKSND huyện Thăng Bình (cũ)	871.532.000	278.890.240	x							đã thực hiện xong		
Nhà lưu trú công vụ VKSND huyện Thăng Bình (cũ)	175.000.000	-	x							đã thực hiện xong		
Nhà hội trường VKSND huyện Thăng Bình (cũ)	962.511.000	769.914.632	x							đã thực hiện xong		
Nhà làm việc 2 tầng VKSND huyện Phú Ninh (cũ)	3.249.378.460	20.214.541	x							đã thực hiện xong		
Nhà lưu trú công vụ 1 tầng VKSND huyện Phú Ninh (cũ)	472.327.600	-	x							đã thực hiện xong		
Nhà xe 2 bánh VKSND huyện Phú Ninh (cũ)	160.000.000	90.640.000	x							đã thực hiện xong		
Nhà bảo vệ VKSND huyện Phú Ninh (cũ)	77.698.000	-	x							đã thực hiện xong		
Nhà làm việc 2 tầng VKSND huyện Tiên Phước (cũ)	2.170.945.000	73.092.200	x							đã thực hiện xong		
Nhà lưu trú công vụ 1 tầng VKSND huyện Tiên Phước (cũ)	408.665.000	-	x							đã thực hiện xong		
Nhà làm việc 2 tầng VKSND huyện Nam Trà My (cũ)	3.145.224.957	-	x							đã thực hiện xong		
Nhà lưu trú công vụ 1 tầng VKSND huyện Nam Trà My (cũ)	802.510.000	-	x							đã thực hiện xong		
Nhà lưu trú công vụ 1 tầng VKSND huyện Nam Trà My (cũ)	692.474.000	184.405.824	x							đã thực hiện xong		



Nhà xe 2 bánh VKSND huyện Nam Trà My (cũ)	33.979.000		-		x							đã thực hiện xong				
Nhà bảo vệ VKSND huyện Nam Trà My (cũ)	61.429.000		-		x							đã thực hiện xong				
Nhà làm việc 2 tầng VKSND huyện Hiệp Đức (cũ)	2.487.614.000		495.343.350		x							đã thực hiện xong				
Nhà lưu trú công vụ 1 tầng VKSND huyện Hiệp Đức (cũ)	424.133.000		-		x							đã thực hiện xong				
Nhà xe 2 bánh VKSND huyện Hiệp Đức (cũ)	13.547.000		-		x							đã thực hiện xong				
Nhà làm việc 2 tầng VKSND huyện Phước Sơn (cũ)	2.119.260.371		26.893.044		x							đã thực hiện xong				
Nhà lưu trú công vụ 1 tầng VKSND huyện Phước Sơn (cũ)	425.798.000		-		x							đã thực hiện xong				
Nhà làm việc 2 tầng VKSND huyện Duy Xuyên (cũ)	3.179.827.000		211.882.472		x							đã thực hiện xong				
Nhà công vụ 1 tầng VKSND huyện Duy Xuyên (cũ)	728.736.000		48.558.108		x							đã thực hiện xong				
Nhà bảo vệ VKSND huyện Duy Xuyên (cũ)	86.877.000		5.788.904		x							đã thực hiện xong				
Nhà xe VKSND huyện Duy Xuyên (cũ)	24.346.000		1.622.254		x							đã thực hiện xong				
Nhà làm việc 2 tầng (sửa chữa nâng cấp 2015)	3.170.477.014		54.909.877		x							đã thực hiện xong				
Nhà công vụ 1 tầng VKSND huyện Tây Giang (cũ)	691.253.000		-		x							đã thực hiện xong				
Nhà bảo vệ VKSND huyện Tây Giang (cũ)	73.138.000		-		x							đã thực hiện xong				
Nhà xe VKSND huyện Tây Giang (cũ)	19.287.000		-		x							đã thực hiện xong				

	Nhà làm việc 2 tầng VKSND thị xã Điện Bàn (cũ)	2.116.224.603	-		x												đã thực hiện xong			
	Nhà công vụ 1 tầng VKSND thị xã Điện Bàn (cũ)	679.360.447	-		x												đã thực hiện xong			
	Nhà bảo vệ VKSND thị xã Điện Bàn (cũ)	56.481.000	-		x												đã thực hiện xong			
	Nhà để xe VKSND thị xã Điện Bàn (cũ)	217.280.000	-		x												đã thực hiện xong			
	Sửa chữa trụ sở VKSND thị xã Điện Bàn (cũ)	714.492.950	109.424.972		x												đã thực hiện xong			
	Hồi trường VKSND thị xã Điện Bàn (cũ)	967.701.643	774.064.544		x												đã thực hiện xong			
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác	5.862.951.263	3.260.426.005																	
	Tường rào VKSND thành phố Tam Kỳ (cũ)	115.078.000	-		x												đã thực hiện xong			
	Sân đường nội bộ VKSND thành phố Tam Kỳ (cũ)	86.063.000	-		x												đã thực hiện xong			
	Bể nước ngầm VKSND huyện Núi Thành (cũ)	433.879.157	390.491.241		x												đã thực hiện xong			
	Sân vườn, nền sân, đường nội bộ, cây xanh, cột cờ, di dơi trung thể VKSND	906.472.419	815.825.177		x												đã thực hiện xong			
	Tường rào, công nghệ VKSND huyện Núi Thành (cũ)	983.742.752	786.994.201		x												đã thực hiện xong			
	Bể tự hoại VKSND huyện Núi Thành (cũ)	120.520.125	96.416.109		x												đã thực hiện xong			
	Cấp thoát nước ngoài nhà VKSND huyện Núi Thành (cũ)	184.271.623	147.417.298		x												đã thực hiện xong			

	Op ván tron phun son trắng bóng VKSND huyện Núi Thành (cũ)	10.054.180		8.043.344		x								đã thực hiện xong				
	Hệ thống PCCC VKSND huyện Núi Thành (cũ)	361.397.854		289.118.283		x								đã thực hiện xong				
	Ốp lamri VKSND huyện Núi Thành (cũ)	17.443.135		13.954.510		x								đã thực hiện xong				
	Hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà VKSND huyện Núi Thành (cũ)	830.207.303		664.165.842		x								đã thực hiện xong				
	Sân đường nội bộ VKSND huyện Thăng Bình (cũ)	30.000.000		-		x								đã thực hiện xong				
	Tường rào VKSND huyện Hiệp Đức (cũ)	166.350.000		-		x								đã thực hiện xong				
	Sửa chữa tường rào VKSND huyện Hiệp Đức (cũ)	120.000.000		48.000.000		x								đã thực hiện xong				
	Sân đường nội bộ VKSND huyện Hiệp Đức (cũ)	94.253.000		-		x								đã thực hiện xong				
	Sân đường nội bộ VKSND huyện Duy Xuyên cũ	136.900.000		-		x								đã thực hiện xong				
	Cổng, hàng rào VKSND huyện Duy Xuyên Cũ	271.043.000		-		x								đã thực hiện xong				
	Sân VKSND huyện Tây Giang (cũ)	173.407.000		-		x								đã thực hiện xong				
	Cổng tường rào VKSND huyện Tây Giang (cũ)	351.445.921		-		x								đã thực hiện xong				
	Sân đường nội bộ	17.834.000		-		x								đã thực hiện xong				
	Sân nền	132.992.794		-										đã thực hiện xong				
	Cổng hàng rào	319.596.000		-		x								đã thực hiện xong				

[illegible]

Máy bơm sinh hoạt Q=6m ³ /h, H=32m (Hệ thống cấp nước), PCCC)- 01 VKSND huyện Núi Thành (cũ)	10.121.503	7.591.127	x										đã thực hiện xong				
Bơm chữa cháy động cơ Điện Q= 65m ³ /h, H=40MCN VKSND huyện Núi Thành (cũ)	101.325.050	75.993.787	x										đã thực hiện xong				
Bình áp lực 100l (TBHT cấp nước, PCCC) VKSND huyện Núi Thành (cũ)	12.871.912	9.653.934	x										đã thực hiện xong				
Kim thu sét tia tiên đạo R = 75m (TBHT cấp nước, PCCC, chống sét, phát điện dự phòng) VKSND huyện Núi Thành (cũ)	26.954.003	20.215.502	x										đã thực hiện xong				
Bơm chữa cháy bù áp Q= 5 m ³ /h, H=45MCN VKSND huyện Núi Thành (cũ)	25.633.807	19.225.355	x										đã thực hiện xong				
Bộ tủ LPI cắt lọc sét (TBHT cấp nước, PCCC, chống sét, phát điện dự phòng) VKSND huyện Núi Thành (cũ)	32.454.821	24.341.115	x										đã thực hiện xong				
Tủ điều khiển 3 máy bơm tự động cho hệ spink (TB cấp nước, PCCC) VKSND huyện Núi Thành (cũ)	18.922.811	14.192.108	x										đã thực hiện xong				
Máy phát điện dự phòng 120KVA VKSND huyện Núi Thành (cũ)	452.167.162	339.125.371	x										đã thực hiện xong				

